**Tuần 27**

**Tiết 36 ÔN TẬP GIỮA KÌ 2**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

Nhằm khắc sâu phần kiến thức đã học.

Ôn những nội dung cơ bản về thời tiết và biến đổi khí hậu,Thuỷ quyển và vòng tuần hoàn lớn của nước, sông và hồ, Biển và đại dương.

Chuẩn bị kiến thức cho bài kiểm tra giữa học kì II

**2. Kĩ năng**

Tìm ra những biện pháp để ứng phó với biến đổ**4**i khí hậu

**3. Thái độ**

có tinh thần hợp tác và nghiên cứu tìm hiểu kiến thức.

**4. Định hướng phát triển năng lực**

- Năng lực chung: tự học, hợp tác,..

- Năng lực riêng: sử dụng bản đồ, lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh

**II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**1. Đối với giáo viên :**

Đề cương ôn tập

2**. Học sinh**

Sách, vở, đồ dùng học tập.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

1. **ĐỀ CƯƠNG ÔN THI GIỮA KÌ HKII**

**I.TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1.** **:**Trên Trái Đất có những đới khí hậu nào?

A. một đới nóng, hai đới ôn hoà, hai đới lạnh.

B. một đới nóng, hai đới ôn hoà, một đới lạnh.

C. hai đới nóng, hai đới ôn hoà, một đới lạnh.

D. hai đới nóng, một đới ôn hoà, hai đới lạnh.

**Câu 2.** Lượng mưa trung bình năm 1000 mm đến 2000 mm thuộc đới khí hậu

A.Đớiđới lạnh B. hàn đới C. đới ôn hoà. D. Đới nóng.

**Câu 3.** Gió thổi thường xuyên ở đới lạnh

A. Tây ôn đới B. Mậu dịch C. Đông cực D. Tín phong

**Câu 4.** Nguyên nhân của biến đổi khí hậu

A. Khí quyển nhiều khí nhà kính. C. nhiệt độ không đổi.

B. nước biển tăng D. thời tiết biến động.

**Câu 5.** Sức hút của Mặt Trời và Mặt Trăng là nguyên nhân chủ yếu hình thành hiện tượng tự nhiên nào sau đây?

A. Dòng biển. B. Sóng ngầm. C. Sóng biển. D. Thủy triều.

**Câu 6.** Đâu **không phải** nguồn cung cấp hơi nước cho khí quyển là từ

A. các dòng sông lớn. C. biển và đại dương

B. các loài sinh vật. D. ao, hồ, vũng vịnh.

**Câu 7.** Cửa sông là nơi dòng sông chính

A. xuất phát chảy ao,hồ. C. đổ ra biển

B. tiếp nhận các sông nhánh. D. phân nước cho sông phụ.

**Câu 8.** Đâu là một bộ phận của hệ thống sông?

A. Thuỷ chế B. Lưu lượng nước. C. Sông chính. D. Lưu vực sông

**Câu 9:**Loại gió thổi thường xuyên ở khu vực đới lạnh là:

A. gió Tây ôn đới. B. gió Đông cực.

C. gió mùa. D. Tín phong.

**Câu 10 :**Trên Trái Đất có ….. đới nóng?

A. một.

B. hai

C. Ba

D. Bốn

**Câu 11 :**Đặc điểm nào **không đúng** với khí hậu đới nóng?

A. Lượng mưa trung bình năm từ 1.000 - 2.000 mm.

B. Có gió Tín phong thổi thường xuyên.

C. Quanh năm nóng.

D. Có góc chiếu của ánh sáng mặt trời rất nhỏ.

**Câu 12:** Chế độ nước của sông thay đổi theo:

A. Lưu lượng nước B. Mùa

C. Chế độ dòng chảy (thủy chế) D. Lưu vực sông

**Câu 13:** Các con sông **không có** nguồn cung cấp nước từ:

A. Nước ngầm B. Nước băng tuyết tan

C. Nước mưa D. Nước biển

**Câu 14** Các sông làm nhiệm vụ thoát nước cho sông chính gọi là:

A. Sông. B. Phụ lưu. C. Chi lưu. D. Nhánh sông.

**Câu 15:** Các sông làm nhiệm vụ thoát nước cho sông chính gọi là:

A. Sông. B. Phụ lưu C. Chi lưu. D. Nhánh sông.

**Câu 16.** Nguyên nhân làm ô nhiễm sông, hồ

A. Biến đổi khí hậu C. Chất thải sinh hoạt, nhà máy

B. nước biển tăng D. thời tiết biến động.

**II.TỰ LUẬN**

**Câu 1:** So sánh các đới khí hậu trên Trái Đất?

**Câu 2:** Nêu những việc làm của bản thân để góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu.

**Câu 3**. Thuỷ quyển là gì? Trình bày vòng tuần hoàn lớn của nước?

**Câu 4**. So sánh sông và hồ

**Tuần 27**

**Tiết 37 THI GIỮA KÌ 2**

**XÂY DỰNG ĐỀ GIỮA KÌ II LỚP 6**

a. Khung ma trận

**Khung ma trận đề kiểm tra giữa kì II lớp 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết (TNKQ)** | | **Thông hiểu**  **(TL)** | | **Vận dụng**  **(TL)** | | **Vận dụng cao**  **(TL)** | |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **Phân môn Địa lí** | | | | | | | | | | | |
| **1** | **Thời tiết và Khí hậu. biến đổi khí hậu**  (60%-3,0 điểm) | – Thời tiết, khí hậu  - Các đới khí hậu trên Trái Đất  – Sự biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó. | 4TN\* |  |  | 1TL |  | 1TL (a)\* |  | 1TL (b)\* |  |
| **2** | **Nước trên Trái Đất**  **(40%-2,0 điểm)** | – Các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển  – Vòng tuần hoàn nước  – Sông, hồ và việc sử dụng nước sông, hồ  – Biển và đại dương. Một số đặc điểm của môi trường biển  – Nước ngầm và băng hà | 4TN\* |  |  | 1TL\* |  | 1TL (a)\* |  | 1TL (b)\* |  |
| ***Tỉ lệ*** | | | ***20%*** | | ***15%*** | | ***10%*** | | ***5%*** | |  |

**b. Bảng đặc tả**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/ chủ đề** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Mức độ nhận thức** | | | | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết**  **(TNKQ)** | **Thông hiều**  **(TL)** | **Vận dụng**  **(TL)** | **Vận dụng cao**  **(TL)** |
|  |  |  |  |  |
| Phân môn Địa lí | | | | | | | | |
| 1 | **Khí hậu và biến đổi khí hậu**  **(3 điểm – 60%)** | - Thời tiết, khí hậu  – Sự biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó. | **Nhận biết**  – Kể được tên và nêu được đặc điểm các đới khí hậu  – Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ.  **Thông hiểu**  – Hiểu được vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic đối với tự nhiên và đời sống.  – Trình bày được khái quát đặc điểm của một trong các đới khí hậu: ranh giới, nhiệt độ, lượng mưa, chế độ gió.  – Nêu được một số biểu hiện của biến đổi khí hậu.  – Mô tả được hiện tượng hình thành mây, mưa.  **Vận dụng** –  **Vận dụng cao** Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu | 4TN\* | 1TL\* | 1TL (a)\* | 1TL (b)\* |  |
| 2 | **Nước trên Trái Đất**  **(2 điểm – 40%)** | – Các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển  – Vòng tuần hoàn nước  – Sông, hồ và việc sử dụng nước sông, hồ  – Biển và đại dương. Một số đặc điểm của môi trường biển  – Nước ngầm và băng hà | **Nhận biết**  – Kể được tên được các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển.  – Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước.  – Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn.  – Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới.  – Trình bày được các hiện tượng sóng, thuỷ triều, dòng biển (khái niệm; hiện tượng thủy triều; phân bố các dòng biển nóng và lạnh trong đại dương thế giới).  **Thông hiểu**  - Trình bày được mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông.  – Phân biệt được sông và hồ  **Vận dụng**  – Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà.  – Nêu được sự khác biệt về nhiệt độ và độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới.  **Vận dụng cao**  – Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ. | 4TN\* | 1TL | 1TL (a)\* | 1TL (b)\* |  |
| Số câu/ loại câu | | | | 8 câu TNKQ | 1 câu TL. hoặc 1 TL (a, b) | 1 câu (a) TL | 1 câu TL |  |
| ***Tỉ lệ %*** | | | | ***20%*** | ***15%*** | ***10%*** | ***5%*** |  |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ LỚP 6**

**Phân môn Địa lí ĐỀ 1**

**A. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)**

**Câu 1.** **:**Trên Trái Đất có những đới khí hậu nào?

A. một đới nóng, hai đới ôn hoà, hai đới lạnh.

B. một đới nóng, hai đới ôn hoà, một đới lạnh.

C. hai đới nóng, hai đới ôn hoà, một đới lạnh.

D. hai đới nóng, một đới ôn hoà, hai đới lạnh.

**Câu 2.** Lượng mưa trung bình năm 1000 mm đến 2000 mm thuộc đới khí hậu

A.Đớiđới lạnh B. hàn đới C. đới ôn hoà. D. Đới nóng.

**Câu 3.** Gió thổi thường xuyên ở đới lạnh

A. Tây ôn đới B. Mậu dịch C. Đông cực D. Tín phong

**Câu 4.** Nguyên nhân của biến đổi khí hậu

A. Khí quyển nhiều khí nhà kính. C. nhiệt độ không đổi.

B. nước biển tăng D. thời tiết biến động.

**Câu 5.** Sức hút của Mặt Trời và Mặt Trăng là nguyên nhân chủ yếu hình thành hiện tượng tự nhiên nào sau đây?

A. Dòng biển. B. Sóng ngầm. C. Sóng biển. D. Thủy triều.

**Câu 6.** Đâu **không phải** nguồn cung cấp hơi nước cho khí quyển là từ

A. các dòng sông lớn. C. biển và đại dương

B. các loài sinh vật. D. ao, hồ, vũng vịnh.

**Câu 7.** Cửa sông là nơi dòng sông chính

A. xuất phát chảy ao,hồ. C. đổ ra biển

B. tiếp nhận các sông nhánh. D. phân nước cho sông phụ.

**Câu 8.** Đâu là một bộ phận của hệ thống sông?

A. Thuỷ chế B. Lưu lượng nước. C. Sông chính. D. Lưu vực sông

**B. TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1.**

a. Trình bày đặc điểm của đới nóng và đới ôn hoà trên Trái Đất? *(2 điểm)*

b. Nêu những việc làm của bản thân để góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu. (1 điểm).

**Phân môn Địa lí ĐỀ 2**

**A. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)**

**Câu 1:**Loại gió thổi thường xuyên ở khu vực đới lạnh là:

A. gió Tây ôn đới. B. gió Đông cực.

C. gió mùa. D. Tín phong.

**Câu 2 :**Trên Trái Đất có những đới khí hậu nào?

A. một đới nóng, hai đới ôn hoà, hai đới lạnh.

B. một đới nóng, hai đới ôn hoà, một đới lạnh.

C. hai đới nóng, hai đới ôn hoà, một đới lạnh.

D. hai đới nóng, một đới ôn hoà, hai đới lạnh.

**Câu 3 :**Đặc điểm nào **không đúng** với khí hậu đới nóng?

A. Lượng mưa trung bình năm từ 1.000 - 2.000 mm.

B. Có gió Tín phong thổi thường xuyên.

C. Quanh năm nóng.

D. Có góc chiếu của ánh sáng mặt trời rất nhỏ.

**Câu 4:** Nhịp điệu thay đổi lưu lượng của con sông trong một năm gọi là:

A. Lưu lượng nước B. Hệ thống sông

C. Chế độ dòng chảy (thủy chế) D. Lưu vực sông

**Câu 5:** Các con sông **không có** nguồn cung cấp nước từ:

A. Nước ngầm B. Nước băng tuyết tan

C. Nước mưa D. Nước biển

**Câu 6:** Các sông làm nhiệm vụ cung cấp nước cho sông chính gọi là:

A. Sông. B. Phụ lưu. C. Chi lưu. D. Nhánh sông.

**Câu 7:** Các sông làm nhiệm vụ thoát nước cho sông chính gọi là:

A. Sông. B. Phụ lưu C. Chi lưu. D. Nhánh sông.

**Câu 8.** Nguyên nhân của biến đổi khí hậu

A. Khí quyển nhiều khí nhà kính. C. nhiệt độ không đổi.

B. nước biển tăng D. thời tiết biến động.

**B. TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1.**

a. So sánh sông và hồ ( 2điểm )

b. Nêu những việc làm của bản thân để góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu.

(1 điểm).

**Đáp án và hướng dẫn chấm**

**PHẦN ĐỊA LÍ**

**ĐỀ 1**

**A. TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Đáp án | A | D | C | A | D | B | C | C |

**Mỗi đáp án đúng 0,25 điểm.**

**B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu (điểm)** | **Hướng dẫn chấm** | **Biểu điểm** |
| **Câu 1** | a. đặc điểm của các đới khí hậu trên Trái Đất 2đ   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đới** | **Đới nóng** | **Hai đới ôn hoà**  **(Ôn đới)** | | **Phạm vi** | Chí tuyến Bắc đến chí tuyến Nam. | - Chí tuyến Bắc đến Vòng cực Bắc.  - Chí tuyến Nam Vòng cực Nam. | | **Nhiệt độ** | Quanh năm nóng, nhiệt độ trung bình năm không thấp hơn 200C. | Nhiệt độ trung bình năm dưới 200C, tháng nóng nhất không thấp hơn 100C. | | **Lượng mưa** | Lượng mưa trung bình năm 1000 mm - 2000mm. | Lượng mưa trung bình năm 500 mm - 1000mm. | | **Chế độ gió** | Gió thổi thường xuyên là gió Mậu dịch. | Gió thổi thường xuyên là gió Tây ôn đới. | | **0.5**  **0.5**  **0.5**  **0.5** |
|  | **b. Những việc làm để ứng phó với biến đổi khí hậu:** 1đ  - sử dụng hiệu quả tiết kiệm năng lượng  **-** sử dụng phương tiện giao thông công cộng  - hạn chế dùng túi ni lông  -Trồng rừng…  Lưu ý: HS nêu được 1 đáp án đúng (0,25 điểm) |  |

**ĐỀ 1**

**A. TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Đáp án | B | A | D | C | D | B | C | A |

**Mỗi đáp án đúng 0,25 điểm.**

**B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

**Câu 1:** a. So sánh(2 điểm).

|  |  |
| --- | --- |
| **Sông 1đ** | **Hồ 1đ** |
| - Là dòng chảy thường xuyên  - Có lưu vực xác định  Ví dụ: Sông Hồng, Sông Cả… | - Khoảng nước đọng tương đối rộng và sâu. - Không có diện tích nhất định  Ví dụ: Hồ Gươm, Hồ Tây. |

**b. Những việc làm để ứng phó với biến đổi khí hậu:** 1đ

- sử dụng hiệu quả tiết kiệm năng lượng

**-** sử dụng phương tiện giao thông công cộng

- hạn chế dùng túi ni lông

-Trồng rừng…

Lưu ý: HS nêu được 1 đáp án đúng (0,25 điểm)